

SỰ SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930 - 1945)

PGS, TS VŨ QUANG HIẾN*

Để xác định đường lối cách mạng Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh đã tiếp thu bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, sử dụng phép biện chứng duy vật để phân tích thực tiễn, phân tích các quan hệ giai cấp, xác định mâu thuẫn chủ yếu và tính chất của xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Tuy nhiên, nhận thức là một quá trình, có thể phải trải qua những bước quanh co, bị chi phối bởi những điều kiện chủ quan và khách quan, nhất là khả năng vận dụng và phát triển học thuyết về đấu tranh giai cấp ở thuộc địa.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp từng bước thôn tính Việt Nam. Bên cạnh các hình thức bóc lột thực dân, đế quốc Pháp vẫn duy trì hình thức bóc lột theo lối phong kiến, vì thế những quan hệ kinh tế phong kiến vẫn tồn tại. Đó là điều khác hẳn với các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây. Xã hội Việt Nam từ một xã hội phong kiến chuyển thành xã hội thuộc địa với những tàn tích phong kiến nặng nề.

1. Phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để xác định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cuộc cách mạng ở thuộc địa

Do các chính sách khai thác thuộc địa, bóc lột tô thuế và cướp đoạt ruộng đất của thực dân Pháp, giai cấp nông dân trở thành nạn nhân chủ yếu của chế độ thuộc địa và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam, mà chủ yếu là nông dân với đế quốc xâm lược và tay sai diễn ra vô cùng gay gắt. Yêu cầu trước hết của dân tộc Việt Nam nói chung, giai cấp nông dân nói riêng là tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động, giành độc lập dân tộc. Xét về tính chất, cuộc đấu tranh ở thuộc địa là một cuộc đấu tranh dân tộc, chứ chưa phải là cuộc đấu tranh giai cấp như ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây.

Lênin từng nói: các nhiệm vụ chính trị cụ thể phải được đặt đúng vào một hoàn cảnh cụ thể. Ra đời trong điều kiện lịch sử của xã hội châu Âu, mà chủ yếu là Tây Âu, nơi có mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, nên học thuyết của Mác bàn nhiều về đấu tranh giai cấp, về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Học thuyết đó có thể áp dụng nguyên

* Đại học Quốc gia Hà Nội

ven ở thuộc địa hay không? Đó là câu hỏi lớn được đặt ra trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Trong điều kiện lịch sử cụ thể ở thuộc địa, Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh không giáo điều, tuyệt đối hóa cuộc đấu tranh giai cấp, mà có sự xem xét quan hệ giai cấp trong các mối liên hệ phổ biến, không chỉ đơn thuần là quan hệ giữa giai cấp bóc lột với giai cấp bị bóc lột, mà cả quan hệ của mỗi giai cấp với thực dân Pháp xâm lược và thống trị dân tộc, kết hợp hài hòa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp và giải quyết vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc.

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Nguyễn Ái Quốc phân biệt ba loại cách mạng: "Tư bản cách mệnh", "Dân tộc cách mệnh" và "Giai cấp cách mệnh", đồng thời xác định tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc. Người phân tích: "Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu... Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tình ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh"¹.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách

mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Đó là một quá trình phát triển lâu dài, phải trải qua những giai đoạn chiến lược khác nhau, mà trước tiên là giành độc lập dân tộc. Nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai được nhấn mạnh trên cả hai phương diện chính trị và kinh tế: về chính trị, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra Chính phủ công nông binh và tổ chức ra quân đội công nông; về kinh tế, tịch thu hết các sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu hết ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân cày nghèo... Nhiệm vụ cách mạng ruộng đất chưa phải là mục tiêu trực tiếp trước mắt, mà sẽ là một nhiệm vụ kế tiếp. Trong khi chủ trương tịch thu ruộng đất đang nằm trong tay kẻ thù dân tộc, Đảng đặt vấn đề "chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ phong kiến"².

Tuy nhiên, do hiểu không đầy đủ về đặc điểm giai cấp và dân tộc ở Đông Dương, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng "tả" của Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản anh em, *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (10-1930) lại nhấn mạnh chiến lược đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất. Luận cương cho rằng nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải "tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để" và "đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc

lập". Hai nhiệm vụ đó phải được đặt ngang hàng nhau và tiến hành đồng thời với nhau: "... có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa". Luận cương khẳng định: "Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền", là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày. Như vậy, chiến lược đấu tranh dân tộc trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã được thay bằng chiến lược đấu tranh giai cấp.

Tháng 10-1936, trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, Trung ương Đảng đã dùng cảm phê phán *Luận cương chính trị tháng 10-1930*: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. *Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng* (TG nhấn mạnh)... nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phân đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"³. Những quan điểm trong *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bước đầu khắc phục hạn chế của *Luận cương chính trị tháng 10-1930* và khẳng định chủ trương đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đến Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) vấn đề dân tộc tiếp tục được

nhấn mạnh. Hội nghị chỉ rõ: "cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị gây nên bởi đế quốc chiến tranh lần này sẽ nung nấu cách mệnh Đông Dương bùng nổ và tiền đề cách mệnh giải phóng Đông Dương nhất định sẽ quang minh rực rỡ". "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"; "chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới"; "nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc"; "Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"⁴.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) khẳng định: "Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và của cách mạng Đông Dương hợp với nguyện vọng chung của tất cả nhân dân Đông Dương"; "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được". Hội nghị chủ trương "*thay đổi chiến lược*" và giải thích rõ về nội dung sự thay đổi đó: "cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại *không phải là một*

cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng"; "Trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được. Vậy thì trong lúc này muốn giải quyết nhiệm vụ giải phóng không thể đưa thêm một nhiệm vụ thứ hai chưa cần thiết với toàn thể nhân dân, giải quyết mà có hại cho nhiệm vụ thứ nhất"⁵. Vấn đề ruộng đất mà Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941) bàn đến là chia lại công điền và chia ruộng đất "tịch thu của Việt gian phản quốc", tức là ruộng đất đang nằm trong tay kẻ thù của dân tộc, chứ không phải của địa chủ nói chung, nhằm đánh lại kẻ thù của dân tộc cả về chính trị và kinh tế. Vì thế: "Trong khi tuyên truyền, không được dùng những khẩu hiệu quá thời... Không nên nói đánh đổ Nam triều phong kiến và tịch thu ruộng đất của địa chủ mà nói diệt trừ bọn Việt gian phản quốc"⁶.

Chiến lược giải phóng dân tộc của Đảng còn được trình bày trong nhiều văn kiện tiếp theo, như *Lời kêu gọi đồng bào, các đảng phái cách mạng và các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương, Thư của Ban Trung ương Đảng gửi các chiến sĩ Bắc Sơn, Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng...* Nghị quyết Ban Thường vụ Trung ương Đảng (2-1943) khẳng định không thể hoàn thành luôn một lúc hai nhiệm vụ: "cách mạng dân tộc giải phóng và cách mạng thổ địa"; "Lúc này, nhiệm vụ dân tộc giải phóng cần kíp và quan trọng hơn. Nên

Đảng phải thống nhất mọi lực lượng cách mạng đảng mau hoàn thành nhiệm vụ ấy trước... Do đó khẩu hiệu thổ địa cách mạng không thể đề ra lúc này. Như thế chiến lược của Đảng có thay đổi ít nhiều chứ không phải chỉ có chiến thuật mà thôi..."⁷.

Như vậy, vượt qua sự cứng nhắc trong việc nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp, Đảng đã giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử và nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

3. Xác định đúng đắn thái độ chính trị các giai cấp phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, qui tụ mọi lực lượng cách mạng để giải phóng dân tộc

Về nguyên tắc triết học Mác-xít, bất cứ cái riêng nào cũng bao chứa cái chung, bất cứ cái chung nào cũng tồn tại thông qua vô số cái riêng. Trong xã hội thuộc địa, không chỉ có công nhân và nông dân, mà các giai cấp và tầng lớp khác đều phải chịu những hậu quả nặng nề của chế độ thực dân. Cái chung của mọi giai cấp, tầng lớp là ý chí, khát vọng độc lập tự do. Đó cũng là yêu cầu số một của giai cấp nông dân. "Không hiểu hết quá trình phát triển của tư bản thực dân trong nước thuộc địa với tất cả sự bóc lột dựa vào bộ máy cai trị của nó, với tất cả các tầng lớp trong nước phụ thuộc nó, đã đè lên trên nông dân như thế nào, chúng ta không thể hiểu hết năng lực cách mạng của nông dân và nhiệm vụ lịch sử của họ trong cuộc cách mạng chống tư bản thực dân, chống đế quốc... , mối quan hệ giữa nông dân và giai cấp địa chủ cũng tùy theo chính sách của chủ nghĩa đế quốc mà biến chuyển"⁸.

Khi Tổ quốc bị xâm lăng, "... nông dân đoàn kết với nhau dưới một khẩu hiệu chính trị là diệt xâm lược, còn khẩu hiệu kinh tế, khẩu hiệu chống phong kiến địa phương hay chống phong kiến trung ương cũng chỉ là thứ yếu"⁹.

Nhận thức đúng độc lập dân tộc là khát vọng chung, lợi ích chung nhất của mọi giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Dân tộc cách mệnh chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ nông công thương đều nhất trí chống lại cường quyền". Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, trong đó công nông là "gốc cách mệnh", là "chủ cách mệnh", còn các tầng lớp khác như học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là "bầu bạn cách mệnh của công nông".

Trong *Sách lược vắn tắt của Đảng*, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận các giai cấp công nhân và nông dân; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. "Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp, ...".

Chủ trương tập hợp lực lượng trên đây phản ánh tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, kết hợp nhuần nhuyễn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp.

Luận cương chính trị 10-1930 hết sức nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân, nhưng không đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của giai cấp tiểu

tư sản, khả năng chống đế quốc của tư sản dân tộc, khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ vào cuộc đấu tranh chống đế quốc. Do thiếu một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh dân tộc, nên mặc dù Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930 có *Án nghị quyết về vấn đề phân đế*, chủ trương thành lập hội phân đế, nhưng thành phần của hội vẫn nặng về các đoàn thể cách mạng, chưa bao gồm rộng rãi mọi giai cấp và tầng lớp trong dân tộc. Tuy có nói đến sự tham gia của tiểu tư sản, nhưng *Án Nghị quyết* cho rằng "không bao giờ nên quá tăng giá trị của họ"¹⁰. Chính vì thế phong trào cách mạng "không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật đông, thật kín", "tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần công nông và là một màu sắc nhất định như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên đỏ, Sinh hội đỏ và Cứu tế đỏ, do đó thiếu mặt tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp...". Nhận thấy hạn chế đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị *Về vấn đề thành lập Hội "Phân đế đồng minh"* (18-11-1930), chủ trương đoàn kết rộng rãi lực lượng toàn dân tộc, bao gồm các giai cấp, tầng lớp và cá nhân yêu nước. Bản Chỉ thị nhấn mạnh "tổ chức *Hội phân đế đồng minh* là một công tác cần khẩn"¹¹. Đó là một chủ trương đúng, nhưng trong thực tế,

Hội phản đế đồng minh chưa được thành lập thì phong trào cách mạng đã bị đế quốc Pháp dim trong biển máu. Mặt khác khác, tháng 12-1930, *Thư của Trung ương gửi các cấp đảng bộ* lại chủ trương “tiêu diệt địa chủ”, tịch thu tất cả ruộng đất của địa chủ mà giao cho bản và trung nông”. Bản chỉ thị coi địa chủ và tư sản nói chung là đối tượng cách mạng, đồng thời phê phán chủ trương tập hợp lực lượng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên là “sai lầm chánh trị rất lớn và rất nguy hiểm”¹².

Đầu năm 1936, trong một bức thư ngỏ gửi các tổ chức cách mạng quốc gia và các nhóm chống đế quốc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương “đoàn kết, tăng cường và củng cố tất cả mọi lực lượng chống đế quốc ở Đông Dương”. Trung ương nêu rõ: “Mặc dầu có có sự khác nhau về cương lĩnh, song tất cả các tổ chức đều có một mục đích chung: đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập hoàn toàn cho Đông Dương. Vì lý do đó, chúng ta có thể đoàn kết với nhau để thành lập mặt trận duy nhất để đấu tranh cách mạng chống đế quốc Pháp”¹³. Từ tháng 7-1936, Đảng tập trung lãnh đạo cuộc vận động dân chủ, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân chủ, nhưng chủ yếu vẫn là lực lượng dân tộc.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tình hình Đông Dương có những biến chuyển lớn, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương nhằm tập hợp rộng rãi “tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phân tử phản đế muốn giải phóng cho dân tộc”¹⁴. “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế là sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế không phân biệt

giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, mục đích là thực hiện việc thống nhất hành động giữa các lực lượng ấy đặng tranh đấu tiên lên võ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp, Nhật và các lực lượng phản động ngoại xâm, diệt trừ phong kiến và các hạng phản bội quyền lợi dân tộc, làm cho Đông Dương được hoàn toàn giải phóng...”¹⁵.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) đã giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước ở Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng. Hội nghị chủ trương: “... trước hết tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp - Nhật xâm chiếm nước ta. Sự liên minh tất cả lực lượng của các giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, các tôn giáo, các dân tộc kháng Nhật, đó là công việc cốt yếu của Đảng ta”¹⁶. Hội nghị chỉ rõ “chiến thuật hiện tại của Đảng ta là phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân”, vì thế “mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực để hiệu triệu hơn”. Đó là Việt Nam độc lập đồng minh với các đoàn thể quân chúng mang tên “cứu quốc”. Khi tổ chức một đoàn thể cứu quốc điều cốt yếu “không phải là

những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản”, mà là “có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”¹⁷

Thực hiện chủ trương của Đảng, Mặt trận Việt Minh được thành lập, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, quy tụ lực lượng và sức mạnh toàn dân tộc vào cuộc đấu tranh cho độc lập tự do. Đó cũng là một điển hình thành công của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Sáng tạo về phương pháp cách mạng và hình thức chính quyền nhà nước

Để xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền.

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Đảng và Hồ Chí Minh cho rằng *bạo lực cách mạng cũng là bạo lực của quần chúng*, dựa vào hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, để tiến hành đấu tranh dưới hình thức: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Theo Hồ Chí Minh, ở các nước Âu, Mỹ cuộc khởi nghĩa thường hay bắt đầu từ những cuộc bãi công chính trị rồi mới tiếp đến các cuộc vũ trang bạo động. Ở Việt Nam, khởi nghĩa có thể bùng ra ở một vài nơi rồi lan dần khắp nước. Khởi nghĩa bùng ra ở nơi nhiều rừng núi tiện cho lối đánh du kích. Đó chính là sự khác biệt của Việt Nam so với các nước phương Tây.

Vận dụng luận điểm của Lênin về tình thế cách mạng, trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Hồ Chí Minh nêu ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa:

Một là, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể ngồi yên nắm giữ địa vị của chúng như trước.

Hai là, quần chúng đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân, vì mọi người hiểu rằng nếu ngồi yên cũng chết.

Ba là, đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn, một kế hoạch phù hợp, đảm bảo giành thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) đề ra chủ trương khởi nghĩa vũ trang, nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta, đồng thời chỉ rõ trong những hoàn cảnh nhất định thì “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”¹⁸. *Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa là một điển hình sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong việc vận dụng lý luận Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang.*

Trung ương Đảng khẳng định muốn gây cuộc khởi nghĩa bằng vũ trang phải nhằm vào các điều kiện chủ quan:

“1) Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc.

2) Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa.

3) Phe thống trị Đông Dương đã bước vào cuộc khủng hoảng phổ thông đến cực điểm vừa về kinh tế, chính trị lẫn quân sự.

4) Những điều kiện khách quan tiện lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương như quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng, cách mạng các thuộc địa Pháp, Nhật sôi nổi và nhất là quân Tàu hay quân Anh – Mỹ tràn vào Đông Dương”¹⁹.

Với nghệ thuật khởi nghĩa dân tộc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta ra sức chuẩn bị lực lượng, đi từ khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn, tiến lên đánh giá đúng thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng đập tan bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng.

Trên cơ sở xác định đúng tính chất và lực lượng tham gia cách mạng, Đảng có sự sáng tạo về hình thức chính quyền nhà nước, nhằm giải quyết vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Chiến lược của Quốc tế Cộng sản là đánh đổ chế độ tư bản, lập vô sản chuyên chính theo hình thức Xôviết. Song, trong điều kiện một nước thuộc địa, phải tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thì hình thức chính quyền nhà nước sẽ thành lập sau khi cách mạng thành công phải như thế nào?

Theo Hồ Chí Minh, “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao

cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”²⁰.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng chủ trương dựng ra Chính phủ công nông binh. Đó là hình thức chính quyền của đông đảo quần chúng lao động bị áp bức vùng dậy đấu tranh vì độc lập tự do. Tuy nhiên, lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, vì thế cần có một hình thức chính quyền rộng rãi hơn, phù hợp hơn, không chỉ đơn thuần công nông, mà còn phải bao gồm các giai cấp và tầng lớp yêu nước khác.

Phù hợp với tính chất và lực lượng tham gia cách mạng, trong cuộc vận động cứu nước 1939-1945, Đảng có chủ trương mới về hình thức chính quyền nhà nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) chủ trương thành lập chính quyền nhà nước với hình thức cộng hoà dân chủ trong phạm vi toàn Đông Dương, đồng thời cũng chỉ rõ: Sự liên hiệp các dân tộc Đông Dương không nhất thiết bắt buộc các dân tộc phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc như Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình. Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941) đã giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng, và chủ trương “sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. *Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc*

(TG - nhân mạnh), chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam đều thầy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”²¹.

Trong công tác tuyên truyền, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương: “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hòa”²².

Với đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng tháng Tám thành công, lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc gần một thế kỷ trên đất nước Việt Nam, xóa bỏ chế độ phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. “Cách mạng ở đâu thành công cũng phải đổ máu nhiều. Có nước phải chặt đầu vua. Có nước đồng bào chia đảng phái, chém giết nhau liên tiếp trong bao nhiêu năm. Nước ta, vua tự thoái vị, các đảng phái không có mấy. Trong một thời gian ngắn, các giai cấp đoàn kết thành một khối, muôn dân đoàn kết để mưu hạnh phúc chung là nước được hoàn toàn độc lập và chống được giặc xâm lăng, đuổi được bọn thực dân gian ác ra ngoài bờ cõi”²³. Cách mạng tháng Tám 1945 đã giải phóng cho vị Hoàng đế “sau hai mươi năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay” được “làm dân tự do của một nước độc lập”²⁴.

Chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc thể hiện hùng hồn tinh thần độc lập tự chủ, cách mạng và sáng tạo của Đảng ta trong việc xác định cương lĩnh, đường lối, chính sách và tổ chức sắp xếp lực lượng cách mạng ở Việt Nam ngay từ khi Đảng mới thành lập. Chiến lược đó không chỉ có giá trị khoa học trong việc phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở Việt Nam trong thời kỳ 1930-1945, mà còn có giá trị thực tiễn vô cùng to lớn trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, cũng như trong công cuộc kiến thiết CNXH và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.

1, 20. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.2, tr. 264-266, 270

2, 10, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.2, tr.6, 196, 227-228, 236

3, 4, 13, 14. *Sđđ*, T.6, tr. 152-156, 535-539, 9, 537

5, 6, 7, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22. *Sđđ*, T.7, tr. 118-119, 127, 314-315, 77, 112-113, 122-125, 131-132, 130, 114, 127

8. Lê Duẩn: *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, ST, H, 1965, tr. 15

9. Minh Tranh: *Một số ý kiến về nông dân Việt Nam*, ST, H, 1961, tr. 18

23. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, T.4, tr. 43-44

24. Tuyên cáo của Hoàng đế Việt Nam thoái vị, Việt Nam dân quốc công báo, số 1, ngày 29-9-1945.